

BỘ TƯ PHÁP

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ~~1880~~ /QĐ-BTP

Hà Nội, ngày 20 tháng 12 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Tặng danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” năm 2021
cho các tập thể thuộc khối cơ quan Thi hành án dân sự địa phương**

BỘ TRƯỞNG BỘ TƯ PHÁP

Căn cứ Luật thi đua, khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng ngày 14 tháng 6 năm 2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng ngày 16 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 96/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp;

Căn cứ Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng;

Căn cứ Thông tư số 05/2018/TT-BTP ngày 07/06/2018 của Bộ Tư pháp hướng dẫn công tác thi đua, khen thưởng trong ngành Tư pháp;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Thi đua - Khen thưởng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Tặng danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” năm 2021 cho 265 tập thể thuộc các cơ quan Thi hành án dân sự địa phương (có tên trong danh sách kèm theo).

Tiền thưởng cho các tập thể được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Tư pháp, Vụ trưởng Vụ Thi đua - Khen thưởng, Chánh Văn phòng Bộ, Tổng Cục trưởng Tổng cục Thi hành án dân sự, Cục trưởng Cục Kế hoạch - Tài chính Bộ Tư pháp và thủ trưởng các đơn vị có tên trong danh sách kèm theo chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Các Thứ trưởng (để biết);
- Công TTĐT Bộ Tư pháp (để đăng tải);
- Lưu: VT, Vụ TĐKT.

BỘ TRƯỞNG

Lê Thành Long
Lê Thành Long





BỘ TƯ PHÁP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DANH SÁCH
CÁC TẬP THỂ ĐƯỢC TẶNG DANH HIỆU
“TẬP THỂ LAO ĐỘNG XUẤT SẮC” NĂM 2021
KHỐI THI HÀNH ÁN DÂN SỰ ĐỊA PHƯƠNG**

*(Kèm theo Quyết định số: 1880/QĐ-BTP ngày 20 tháng 12 năm 2021
của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)*

KHU VỰC MIỀN NÚI PHÍA BẮC

I. TỈNH BẮC KẠN (03)

1. Phòng Kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Kạn;
2. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn;
3. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn.

II. TỈNH CAO BẰNG (05)

4. Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng;
5. Phòng Nghiệp vụ và tổ chức thi hành án, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng;
6. Văn phòng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng;
7. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng;
8. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

III. TỈNH ĐIỆN BIÊN (02)

9. Văn phòng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên;
10. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

IV. TỈNH HÀ GIANG (06)

11. Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Giang;
12. Phòng Tổ chức cán bộ, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Giang;
13. Phòng Kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Giang;
14. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang;
15. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang;
16. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang. *VB*

V. TỈNH HÒA BÌNH (03)

17. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình;
18. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Thủy, tỉnh Hòa Bình;
19. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình.

VI. TỈNH LAI CHÂU (04)

20. Phòng Nghiệp vụ và tổ chức thi hành án dân sự, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lai Châu;
21. Văn phòng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lai Châu;
22. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu;
23. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu.

VII. TỈNH LẠNG SƠN (04)

24. Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn;
25. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn;
26. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn;
27. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn.

VIII. TỈNH LÀO CAI (04)

28. Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lào Cai;
29. Văn phòng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lào Cai;
30. Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Sa Pa, tỉnh Lào Cai;
31. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai.

IX. TỈNH PHÚ THỌ (05)

32. Phòng Tổ chức cán bộ, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ;
33. Văn phòng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ;
34. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ;
35. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ;
36. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hạ Hoà, tỉnh Phú Thọ.

X. TỈNH SƠN LA (01)

37. Phòng Nghiệp vụ và tổ chức Thi hành án dân sự, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Sơn La.

XI. TỈNH THÁI NGUYÊN (04)

38. Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên; 

- 39. Phòng Tổ chức cán bộ, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên;
- 40. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên;
- 41. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên.

XII. TỈNH TUYÊN QUANG (04)

- 42. Văn phòng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang;
- 43. Phòng Nghiệp vụ và tổ chức thi hành án, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang;
- 44. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang;
- 45. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang.

XIII. TỈNH YÊN BÁI (04)

- 46. Văn phòng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Yên Bái;
- 47. Phòng Nghiệp vụ và tổ chức thi hành án, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Yên Bái;
- 48. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái;
- 49. Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Nghĩa Lộ, tỉnh Yên Bái.

KHU VỰC ĐỒNG BẰNG BẮC BỘ

I. TỈNH BẮC GIANG (05)

- 50. Văn phòng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang;
- 51. Phòng Tổ chức cán bộ, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang;
- 52. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang;
- 53. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang;
- 54. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang.

II. TỈNH BẮC NINH (04)

- 55. Phòng Nghiệp vụ và tổ chức Thi hành án dân sự, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh;
- 56. Phòng Tổ chức cán bộ, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh;
- 57. Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh;
- 58. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh.

III. TỈNH HÀ NAM (03)

- 59. Phòng Tổ chức cán bộ, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Nam;
- 60. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam; 

61. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

IV. THÀNH PHỐ HÀ NỘI (05)

62. Phòng Kiểm tra, giải quyết, khiếu nại, tố cáo, Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội;
63. Chi cục Thi hành án dân sự quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội;
64. Chi cục Thi hành án dân sự quận Ba Đình, thành phố Hà Nội;
65. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội;
66. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội.

V. TỈNH HẢI DƯƠNG (04)

67. Văn phòng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương;
68. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương;
69. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương;
70. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương.

VI. THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG (05)

71. Phòng Tổ chức cán bộ, Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng;
72. Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải An, thành phố Hải Phòng;
73. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng;
74. Chi cục Thi hành án dân sự quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng;
75. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng.

VII. TỈNH HƯNG YÊN (04)

76. Văn phòng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên;
77. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên;
78. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên;
79. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên.

VIII. TỈNH NAM ĐỊNH (06)

80. Cục Thi hành án dân sự tỉnh Nam Định;
81. Phòng Kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Nam Định;
82. Văn phòng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Nam Định;
83. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định;
84. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định; 

85. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định.

IX. TỈNH NINH BÌNH (03)

86. Văn phòng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình;
87. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình;
88. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình.

X. TỈNH QUẢNG NINH (06)

89. Phòng Tài chính Kế toán, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh;
90. Phòng Kiểm tra và giải quyết khiếu nại, tố cáo, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh;
91. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh;
92. Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh;
93. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Chẽ, tỉnh Quảng Ninh;
94. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Hà, tỉnh Quảng Ninh.

XI. TỈNH THÁI BÌNH (04)

95. Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình;
96. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
97. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình;
98. Phòng Tổ chức cán bộ, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình.

XII. TỈNH VĨNH PHÚC (03)

99. Văn phòng Cục thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Phúc;
100. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc;
101. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

KHU VỰC BẮC TRUNG BỘ

I. THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG (01)

102. Văn phòng Cục Thi hành án dân sự tỉnh thành phố Đà Nẵng.

II. TỈNH HÀ TĨNH (06)

103. Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh;
104. Phòng Tổ chức cán bộ, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh;
105. Phòng Nghiệp vụ và tổ chức thi hành án, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh;
106. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh; 

- 107. Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh;
- 108. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.

III. TỈNH NGHỆ AN (10)

- 109. Cục Thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An;
- 110. Phòng Nghiệp vụ và tổ chức thi hành án, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An;
- 111. Phòng Tổ chức cán bộ, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An;
- 112. Phòng Kiểm tra và giải quyết khiếu nại và tố cáo, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An;
- 113. Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Cửa Lò, tỉnh Nghệ An;
- 114. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An;
- 115. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An;
- 116. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An;
- 117. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An;
- 118. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An.

IV. TỈNH QUẢNG BÌNH (04)

- 119. Văn phòng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình;
- 120. Phòng Kiểm tra và giải quyết khiếu nại, tố cáo, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình;
- 121. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình;
- 122. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

V. TỈNH QUẢNG NAM (09)

- 123. Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam;
- 124. Phòng Kiểm tra và giải quyết khiếu nại, tố cáo, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam;
- 125. Phòng Nghiệp vụ và tổ chức thi hành án dân sự Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam;
- 126. Phòng Tổ chức cán bộ, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam;
- 127. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam;
- 128. Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam;
- 129. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam; 

- 130. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Đức, tỉnh Quảng Nam;
- 131. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phước Sơn, tỉnh Quảng Nam.

VI. TỈNH QUẢNG TRỊ (03)

- 132. Phòng Nghiệp vụ và tổ chức Thi hành án Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị;
- 133. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị;
- 134. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị.

VII. TỈNH THANH HÓA (10)

- 135. Phòng Nghiệp vụ và Tổ chức thi hành án Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa;
- 136. Văn phòng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa;
- 137. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa;
- 138. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa;
- 139. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa;
- 140. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa;
- 141. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa;
- 142. Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa;
- 143. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa;
- 144. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

VIII. TỈNH THỪA THIÊN HUẾ (04)

- 145. Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thừa Thiên Huế;
- 146. Phòng Tổ chức cán bộ, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thừa Thiên Huế;
- 147. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế;
- 148. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế.

KHU VỰC NAM TRUNG BỘ VÀ TÂY NGUYÊN

I. TỈNH BÌNH ĐỊNH (04)

- 149. Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Định;
- 150. Văn phòng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Định;
- 151. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định;
- 152. Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định; ✓

II. TỈNH ĐẮK LẮK (01)

153. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea H'leo, tỉnh Đắk Lắk.

III. TỈNH KON TUM (05)

154. Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kon Tum;
 155. Văn phòng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kon Tum;
 156. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Tô, tỉnh Kon Tum;
 157. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum;
 158. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Glei, tỉnh Kon Tum.

IV. TỈNH KHÁNH HÒA (05)

159. Cục Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa;
 160. Phòng Tổ chức cán bộ, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa;
 161. Phòng Tài chính - Kế toán, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa;
 162. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa;
 163. Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa.

V. TỈNH GIA LAI (04)

164. Văn phòng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai;
 165. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đak Đoa, tỉnh Gia Lai;
 166. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ayun Pa, tỉnh Gia Lai;
 167. Chi cục Thi hành án dân sự thị xã An Khê, tỉnh Gia Lai.

VI. TỈNH PHÚ YÊN (03)

168. Văn phòng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Phú Yên;
 169. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên;
 170. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên.

VII. TỈNH QUẢNG NGÃI (06)

171. Phòng Tổ chức cán bộ, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi;
 172. Văn phòng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi;
 173. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi;
 174. Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi;
 175. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi;
 176. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Bồng, tỉnh Quảng Ngãi.

KHU VỰC MIỀN ĐÔNG NAM BỘ

I. TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU (04)

- 177. Văn phòng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;
- 178. Phòng Nghiệp vụ và tổ chức thi hành án dân sự, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;
- 179. Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;
- 180. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

II. TỈNH BÌNH DƯƠNG (04)

- 181. Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương;
- 182. Văn phòng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương;
- 183. Phòng Nghiệp vụ và tổ chức Thi hành án dân sự, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương;
- 184. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

III. TỈNH BÌNH PHƯỚC (04)

- 185. Phòng Tổ chức cán bộ, Cục thi hành án dân sự tỉnh Bình Phước;
- 186. Văn phòng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Phước;
- 187. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước;
- 188. Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước.

IV. TỈNH BÌNH THUẬN (03)

- 189. Văn phòng Cục thi hành án dân sự tỉnh Bình Thuận;
- 190. Phòng Kiểm tra và giải quyết khiếu nại, tố cáo, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Thuận;
- 191. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

V. TỈNH ĐỒNG NAI (03)

- 192. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai;
- 193. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai;
- 194. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

VI. THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH (08)

- 195. Văn phòng, Cục Thi hành án dân sự thành phố Hồ Chí Minh;
- 196. Phòng Kế hoạch - Tài chính, Cục Thi hành án dân sự thành phố Hồ Chí Minh;
- 197. Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh; ✓

- 198. Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, thành phố Hồ Chí Minh;
- 199. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh;
- 200. Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh;
- 201. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh;
- 202. Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh.

VII. TỈNH LÂM ĐỒNG (05)

- 203. Văn phòng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng;
- 204. Phòng Tổ chức cán bộ, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng;
- 205. Phòng Nghiệp vụ và tổ chức thi hành án, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng;
- 206. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng;
- 207. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cát Tiên, tỉnh Lâm Đồng.

VIII. TỈNH NINH THUẬN (02)

- 208. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận;
- 209. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận.

VIII. TỈNH TÂY NINH (01)

- 210. Văn phòng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh.

KHU VỰC MIỀN TÂY NAM BỘ

I. TỈNH AN GIANG (05)

- 211. Văn phòng Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang;
- 212. Phòng Kiểm tra và giải quyết khiếu nại, tố cáo, Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang;
- 213. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang;
- 214. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang;
- 215. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

II. TỈNH BẠC LIÊU (02)

- 216. Phòng Kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bạc Liêu;
- 217. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu.

III. TỈNH BẾN TRE (05)

- 218. Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre; ✓

- 219. Phòng Kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre;
- 220. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre;
- 221. Chi cục Thi hành án dân sự tỉnh huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre;
- 222. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

IV. TỈNH CÀ MAU (01)

- 223. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

V. THÀNH PHỐ CẦN THƠ (05)

- 224. Cục Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ;
- 225. Văn phòng Cục Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ;
- 226. Chi cục Thi hành án dân sự quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ;
- 227. Chi cục Thi hành án dân sự quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ;
- 228. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ.

VI. TỈNH ĐỒNG THÁP (05)

- 229. Phòng Tổ chức cán bộ, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp;
- 230. Phòng Kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp;
- 231. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp;
- 232. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp;
- 233. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

VII. TỈNH HẬU GIANG (03)

- 234. Văn phòng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hậu Giang;
- 235. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang;
- 236. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

VIII. TỈNH KIÊN GIANG (08)

- 237. Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang;
- 238. Phòng Kiểm tra, giải quyết khiếu nại tố cáo, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang;
- 239. Văn phòng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang;
- 240. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang;
- 241. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang;
- 242. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang;

- 243. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang;
- 244. Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

IX. TỈNH LONG AN (06)

- 245. Cục Thi hành án dân sự tỉnh Long An;
- 246. Phòng Tổ chức cán bộ, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Long An;
- 247. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hưng, tỉnh Long An;
- 248. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa, tỉnh Long An;
- 249. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An;
- 250. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cần Đước, tỉnh Long An.

X. TỈNH SÓC TRĂNG (04)

- 251. Phòng Tổ chức cán bộ, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Sóc Trăng;
- 252. Chi cục Thi hành án dân sự tỉnh thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng;
- 253. Chi cục Thi hành án dân sự tỉnh thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng;
- 254. Chi cục Thi hành án dân sự tỉnh huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

XI. TỈNH TIỀN GIANG (05)

- 255. Văn phòng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tiền Giang;
- 256. Phòng Kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tiền Giang;
- 257. Phòng Tổ chức cán bộ, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tiền Giang;
- 258. Phòng Tài chính - Kế toán, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tiền Giang;
- 259. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang.

XII. TỈNH TRÀ VINH (03)

- 260. Văn phòng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Trà Vinh;
- 261. Phòng Kiểm tra, giải quyết khiếu nại và tố cáo, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Trà Vinh;
- 262. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

XIII. TỈNH VĨNH LONG (03)

- 263. Văn phòng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long;
- 264. Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long;
- 265. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

Tổng số 265 tập thể./ 